

Số: 191 /QĐ-ĐHKT

Hà Nội, ngày 04 tháng 2 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ  
Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN đến năm 2020**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-ĐHKT ngày 15/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-ĐHKT ngày 09/7/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN về việc Ban hành chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/01/2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành chiến lược phát triển khoa học và Công nghệ của Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Phát triển,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Phát triển và Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- ĐHQGHN;
- Lưu: VT, KHTC, NCKH, N5.



**PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn**

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-ĐHKT ngày 04 tháng 2 năm 2016 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN)*

Theo chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, Đại học Quốc gia Hà Nội là trung tâm đại học trọng điểm quốc gia được hoạt động theo cơ chế tự chủ đại học, được Nhà nước ưu tiên đầu tư với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, ngang tầm khu vực, dẫn đầu trình độ quốc tế.

Với mục tiêu xây dựng trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu được xếp hạng ngang tầm với các đại học tiên tiến trong khu vực Châu Á, trong đó có một số ngành và chuyên ngành được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học có uy tín trên thế giới; Trường đại học Kinh tế - ĐHQGHN xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020 bao gồm một số quan điểm nghiên cứu, các hướng nghiên cứu chính, các biện pháp thực hiện và các điều kiện thực hiện.

### 1. Quan điểm phát triển

1.1. Trở thành một trong những trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế.

1.2. Các sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt chất lượng cao, tương đương với chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học ở một số trường đại học tiên tiến Đông Nam Á, là nền tảng để nâng cao chất lượng giảng dạy và tư vấn chính sách cũng như doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế và xã hội

### 2. Mục tiêu

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN thành trường đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Đào tạo và nuôi dưỡng các nhà khoa học đầu ngành, đầu đàn với những công trình nghiên cứu đỉnh cao, được giới nghiên cứu trong nước và quốc tế đánh giá cao.

2.2.2. Nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ giảng viên, đặc biệt chú ý đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu cho các giảng viên trẻ.

2.2.3. Xây dựng và phát triển các trung tâm nghiên cứu, Phòng thí nghiệm trọng điểm, các nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Công bố các sản phẩm quốc tế có giá trị khẳng định thương hiệu trường Đại học định hướng Nghiên cứu.

2.2.4. Đóng góp tích cực vào quá trình hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội và phát triển doanh nghiệp của Việt Nam. Xây dựng trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới nghiên cứu về kinh tế và kinh doanh trong nước cũng như quốc tế - một địa điểm hấp dẫn để các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp, các giảng viên, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước đến nghiên cứu, học tập và trao đổi ý tưởng, kết quả nghiên cứu.

2.2.5. Thực hiện thành công các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm, các nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện chuyển giao các kết quả nghiên cứu và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của các hoạt động nghiên cứu góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Kinh tế.

2.2.6. Nâng cao mức thu nhập cho các cá nhân thực hiện nghiên cứu đồng thời tăng cường phúc lợi cho trường.

### **3. Định hướng nghiên cứu**

#### **3.1. Nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tạo nền tảng cho những nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu.**

3.1.1. Nghiên cứu những tư tưởng, lý thuyết, trường phái, quan điểm nhằm phát triển kinh tế và kinh doanh.

3.1.2. Nghiên cứu những tình huống, những trường hợp điển hình (cả trong và ngoài nước) về kinh tế, xã hội và kinh doanh

3.1.3. Hệ thống hóa và hài hòa các cơ sở dữ liệu thứ cấp phục vụ cho các hoạt động của trường (đào tạo, nghiên cứu, hợp tác và phát triển, tạp chí-web...).

3.1.4. Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở cho việc xây dựng/bổ sung một số ngành/chuyên ngành đào tạo mới.

#### **3.2. Nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến thực tiễn và chính sách phát triển kinh tế cũng như doanh nghiệp ở Việt Nam**

3.2.1. Sự phát triển và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trên các lĩnh vực Công nghiệp, Nông nghiệp và Dịch vụ nói chung và những phân ngành cụ thể nói riêng như phát triển công nghiệp hiện đại và công nghệ cao, phát triển công nghiệp phụ trợ, phát triển ngành dịch vụ tài chính-ngân hàng, phát triển khoa học-công nghệ, phát triển giáo dục-đào tạo, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn...

3.2.2. Phát triển thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam như vai trò của hệ thống luật pháp và điều tiết kinh tế (ngân sách, thuế, tiền lương...), vai trò của nhà nước trong nền kinh tế chuyển đổi và hội nhập kinh tế quốc tế, vai trò của các hiệp hội, cạnh tranh và độc quyền...

3.2.3. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như cải cách doanh nghiệp nhà nước, mô hình phát triển các tập đoàn kinh tế, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội và doanh nghiệp, tinh thần doanh nhân, văn hóa doanh nhân...

3.2.4. Những vấn đề có liên quan đến ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam như lạm phát, tỷ giá, cán cân thanh toán, lãi suất; Khủng hoảng và điều tiết; Hệ thống cảnh báo sớm.

3.2.5. Những vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam như khả năng tham gia các mạng sản xuất và phân phối toàn cầu, tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới nền kinh tế Việt Nam, các vấn đề có liên quan đến đầu tư nước ngoài, thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với các nước khác và với các tổ chức kinh tế quốc tế.

3.2.6. Kinh nghiệm các nước trong quá trình hội nhập và phát triển

3.2.7. Nghiên cứu bối cảnh quốc tế mới và tác động tới nền kinh tế Việt Nam như cục diện kinh tế thế giới và những điều chỉnh chính sách kinh tế trước và sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang diễn ra hiện nay; Những xu hướng phát triển chính của nền kinh tế thế giới; Những vấn đề toàn cầu.

3.2.8. Tư duy về phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới.

3.2.9. Điều tra, khảo sát và xây dựng cơ sở dữ liệu sơ cấp về những vấn đề có liên quan đến phát triển và chính sách phát triển kinh tế cũng như doanh nghiệp của Việt Nam.

### **3.3. Nghiên cứu những vấn đề liên ngành mới**

3.3.1. Các vấn đề có liên quan đến nhóm lợi ích và công bằng xã hội

3.3.2. Các vấn đề có liên quan đến chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển đồng đều giữa các vùng miền, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, phân cực xã hội, thay đổi văn hóa; Các vấn đề có liên quan đến đô thị hóa (nông dân mất đất, tắc nghẽn giao thông, thất nghiệp, tội phạm...), phát triển nguồn nhân lực (Dân số và phát triển, các vấn đề về giới, giáo dục, hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hệ thống an sinh xã hội...) và phát triển cơ sở hạ tầng (hiệu quả đầu tư và hiệu quả xã hội...).

3.3.4. Các vấn đề kinh tế có liên quan đến biến đổi khí hậu và các tai biến của thiên nhiên như như lượng giá kinh tế tác động của biến đổi khí hậu và các tai biến thiên nhiên...

### **3.4. Nghiên cứu những vấn đề cấp bách, nảy sinh trong quá trình vận hành và phát triển của nền kinh tế nói chung và của Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN nói riêng**

3.4.1. Các nghiên cứu phân tích, đánh giá nhanh về các chính sách kinh tế-xã hội được ban hành; Các phân tích nhanh về tác động bất ngờ của các hiện tượng kinh tế, xã hội và tự nhiên tới nền kinh tế; Các tính toán nhanh về những chỉ số kinh tế vĩ mô hiện đang có nhiều tranh cãi.

3.4.2. Các nghiên cứu đột xuất theo yêu cầu của ĐHQGHN và của các cơ quan khác của Đảng và Nhà nước.

3.4.3. Các nghiên cứu nhanh làm cơ sở cho những quyết định của trường và các đơn vị nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả và bền vững của trường (viết các dự án xin tài trợ).

## **4. Các biện pháp thực hiện**

### **4.1. Quán triệt tư tưởng và thống nhất hành động**

4.1.1. Các quan điểm và định hướng nghiên cứu của trường được Đảng ủy, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, BGH Nhà trường nhất trí thông qua.

4.1.2. Quán triệt các quan điểm và định hướng nghiên cứu của trường tới các đơn vị và tới từng cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên của trường thông qua các buổi thảo luận trực tiếp giữa Ban Giám hiệu, Phòng NCKH & HTPT với các đơn vị và cá nhân có liên quan.

4.1.3. Ban hành quy định bổ sung về khuyến khích đối với nghiên cứu khoa học.

### **4.2. Các biện pháp thực hiện cụ thể**

4.2.1. Trên cơ sở những định hướng nghiên cứu chính của trường, các Khoa, Trung tâm nghiên cứu, các tổ bộ môn và các cá nhân (giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên) xây dựng những định hướng nghiên cứu, đề xuất danh mục các đề tài nghiên cứu giai đoạn 2016-2020.

4.2.2. Phân bổ nguồn kinh phí do ĐHQGHN cấp theo nguyên tắc: Các đề tài cấp trường, đề tài cấp ĐHQGHN do trường quản lý là những đề tài đặt trọng tâm vào mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy và tạo tiền đề cho những nghiên cứu sâu hơn; Các đề tài đặc biệt, đề tài trọng điểm là những đề tài mang tính ứng dụng thực tiễn cao hơn, đòi hỏi phải có được những khuyến nghị chính sách nhằm phát triển kinh tế xã hội và kinh doanh.

4.2.3. Tập trung nguồn lực đầu tư thực hiện dự án quốc tế được tài trợ từ các tổ chức Quốc tế (UNDP; WORLD BANK...); tìm kiếm các nguồn tài trợ từ bên ngoài cho hội thảo, hội nghị quốc tế.

4.2.4. Tổ chức các khóa học nâng cao năng lực nghiên cứu cho các giảng viên; tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên có cơ hội tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế (trong và ngoài nước) cũng như tham gia các dự án nghiên cứu với các đối tác bên ngoài (trong và ngoài nước).

4.3.5. Hướng các hoạt động của tất cả các đơn vị trong trường trong việc trợ giúp cho sự mở rộng quan hệ đối tác, thu hút các nhà nghiên cứu có năng lực, tạo sự liên thông trong nghiên cứu, tìm kiếm các nguồn tài trợ nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu.

4.3.6. Nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu; Nâng cấp thư viện; Đầu tư xây dựng các Phòng thí nghiệm, các Trung tâm nghiên cứu theo tiêu chuẩn quốc tế...

4.4.7. Đầu tư xây dựng chuyên san của trường tiến tới chuẩn khu vực và quốc tế.

4.4.8. Tiến hành mua và thuê bao các cơ sở dữ liệu nghiên cứu trong kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh có uy tín để làm tài liệu nghiên cứu cho các nhà nghiên cứu, giảng viên và nghiên cứu sinh.

4.4.9. Thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm khoa học nhằm tăng cường việc trao đổi thông tin và ý tưởng về nghiên cứu khoa học.

4.4.10. Mời các nhà khoa học đầu ngành, đầu đàn (trong nước cũng như quốc tế) cộng tác nghiên cứu, tham dự hội thảo, thậm chí làm chủ nhiệm các chương trình, dự án nghiên cứu trọng điểm của trường.

4.4.11. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

4.4.12. Khai thác có hiệu quả các dự án hợp tác hiện có, trong đó đặc biệt là các chương trình với các Đại học có uy tín cao; Phát triển mạng lưới nghiên cứu với các nhà khoa học có uy tín của nước ngoài; các Giáo sư Việt kiều hiện đang giảng dạy tại các Trường Đại học trên thế giới

4.4.13. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm tạo sự đột phá trong nghiên cứu của giảng viên./.

  
PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

ĐĂNG KÝ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 191.../QĐ-ĐHKT ngày 04...tháng...2...năm 2016)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	Ghi chú
<b>1</b>		<b>Số bài báo khoa học</b>							
	1.1	Trong nước	Bài	120	125	130	135	140	
	1.2	Quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	Bài	8	10	13	15	17	
<b>2</b>		<b>Sách chuyên khảo</b>							
	2.1	Tiếng Việt	Cuốn	5	6	6	6	7	
	2.2	Tiếng nước ngoài	Cuốn	0	0	1	1	1	
<b>3</b>		<b>Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách</b>							
	3.1	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	Bằng	0	0	0	0	0	
	3.2	Hợp đồng tư vấn, giải pháp khoa học công nghệ cấp ĐHQGHN	Hợp đồng	1	1	1	1	1	
<b>4</b>		<b>Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao cấp ngành và quốc gia</b>	Sản phẩm	2	2	2	2	2	
<b>5</b>		<b>Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu (cấp ĐHQGHN trở lên)/năm</b>							
	5.1	Trong nước	Chương trình/đề tài	1	1	1	1	1	

	5.2	Quốc tế	Chương trình/đề tài	1	1	1	1	1	
<b>6</b>		<b>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu</b>							
	6.1	Số PTN, TTNC trọng điểm cấp ĐHQGHN trở lên	PTN/TT	1		1		1	
	6.2	Số PTN, TTNC hợp tác doanh nghiệp	PTN/TT						
	6.3	Số PTN, TTNC hợp tác quốc tế	PTN/TT						
<b>7</b>		Số nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN	Nhóm NC	2	1	1	1	1	đến năm 2020 có 9 nhóm NNM
<b>8</b>		Số doanh nghiệp, vườn ươm khoa học công nghệ được thành lập	đơn vị					1	
<b>9</b>		Số lượng giải thưởng KH-CN quốc gia/quốc tế của cán bộ	Giải thưởng				1		

